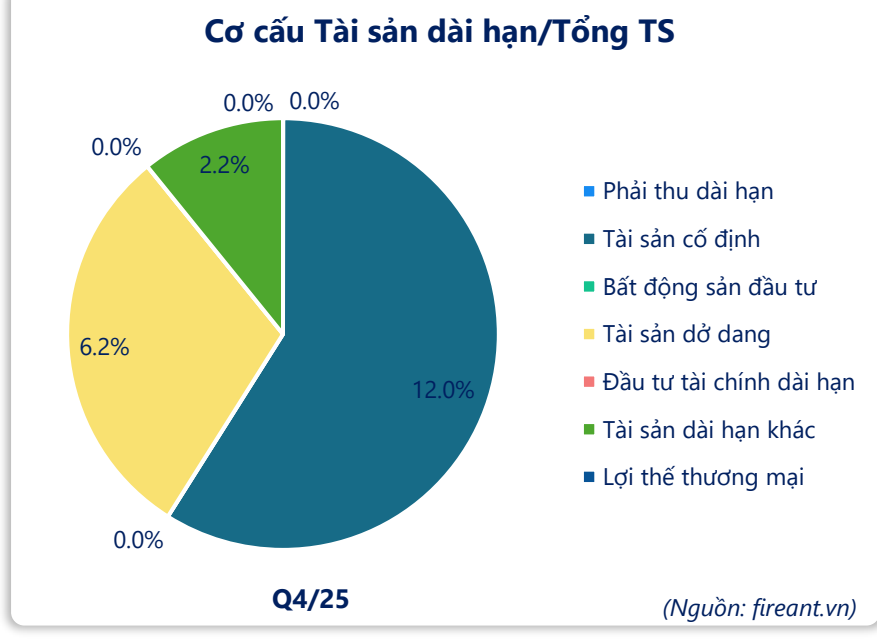
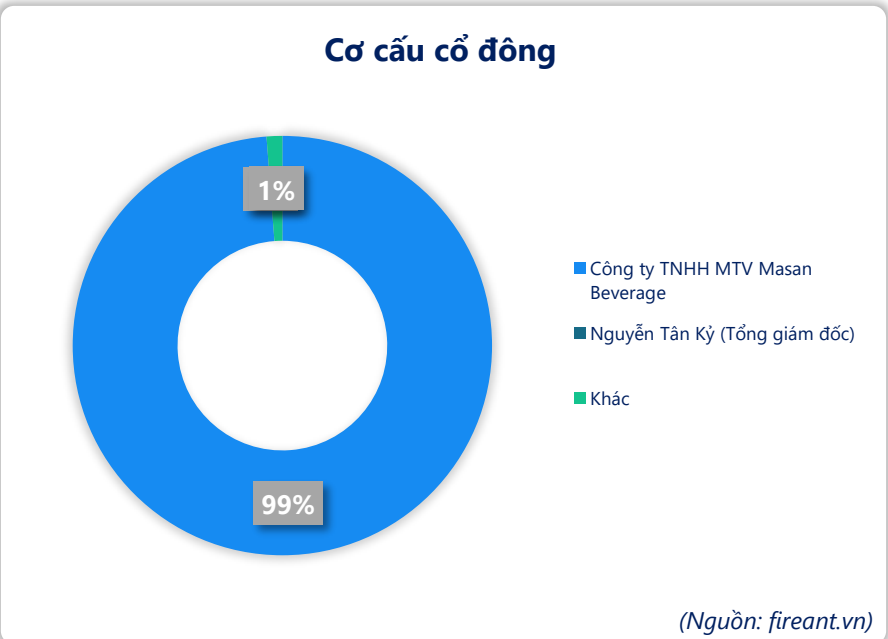
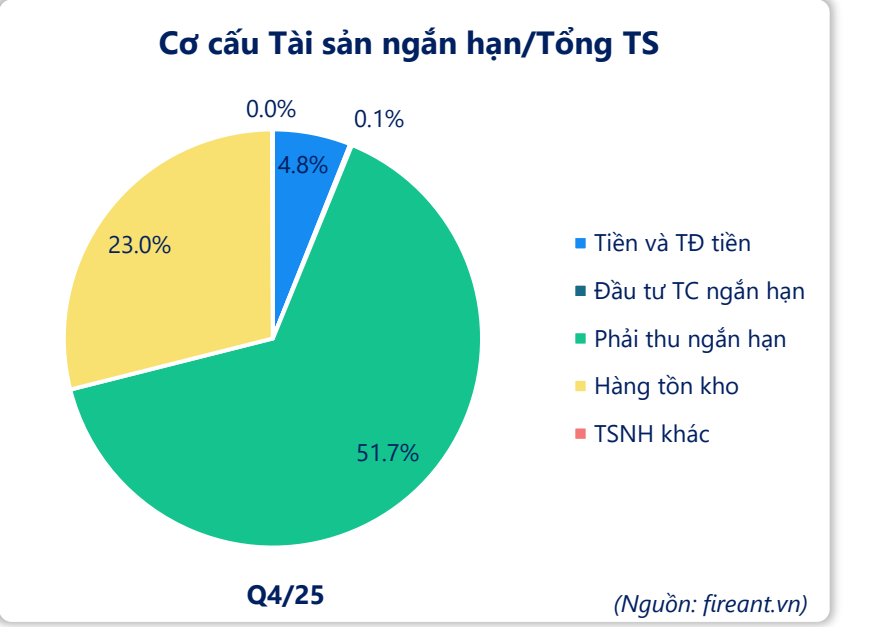
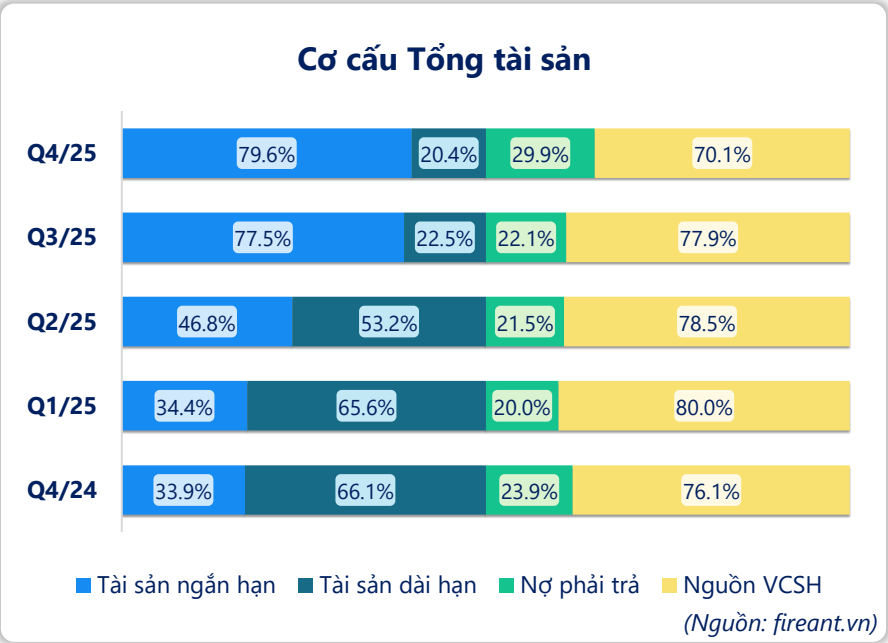
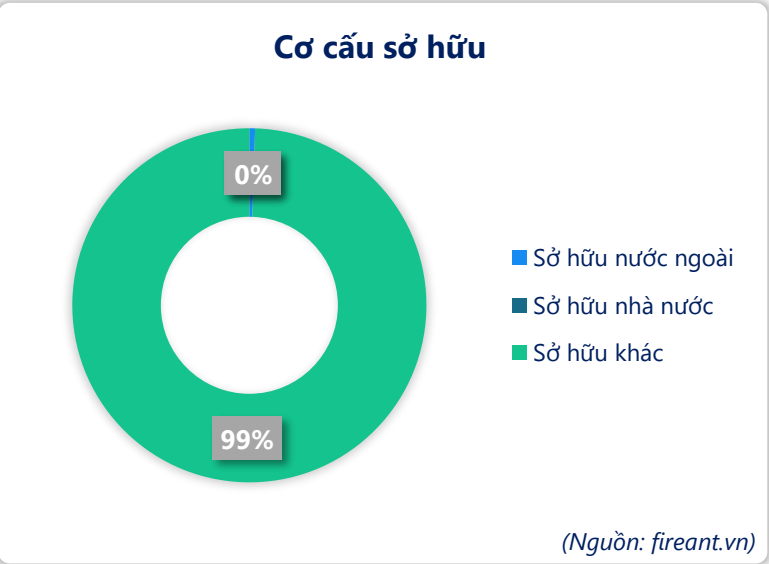
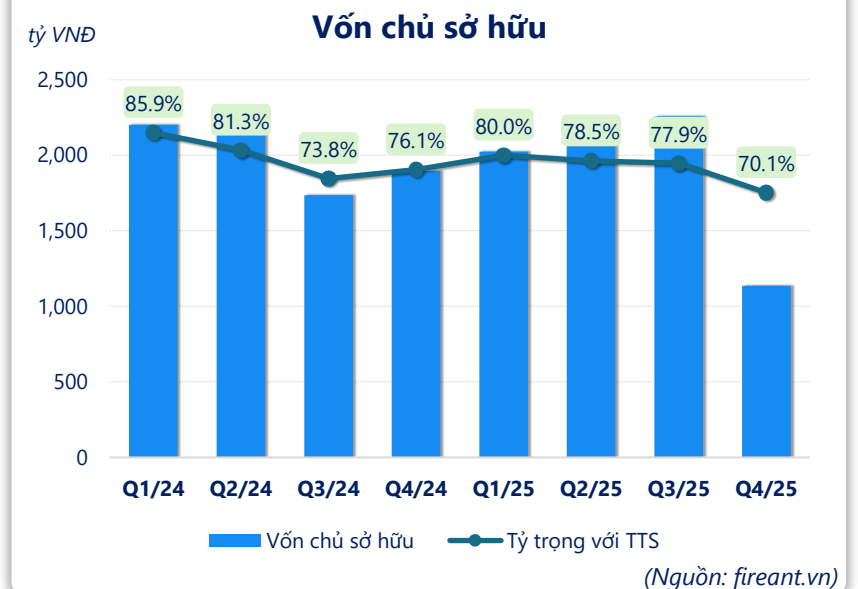
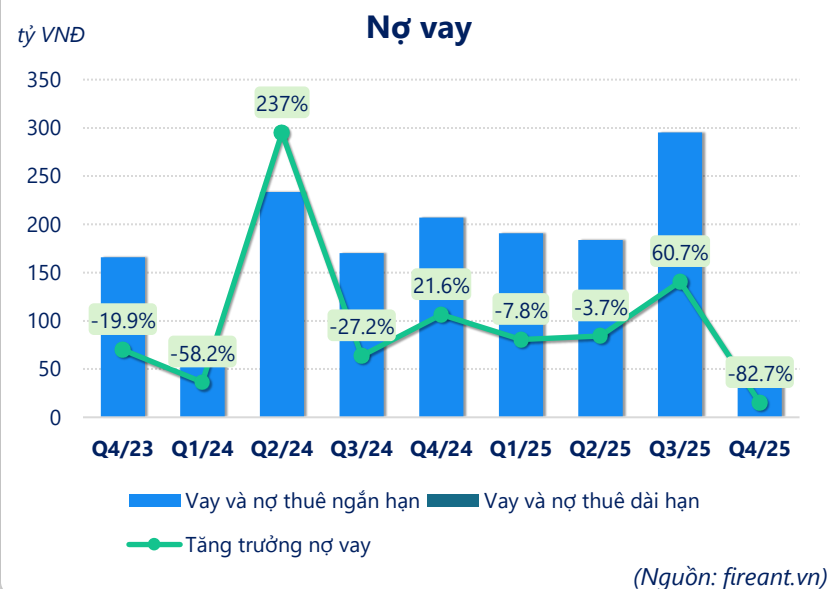
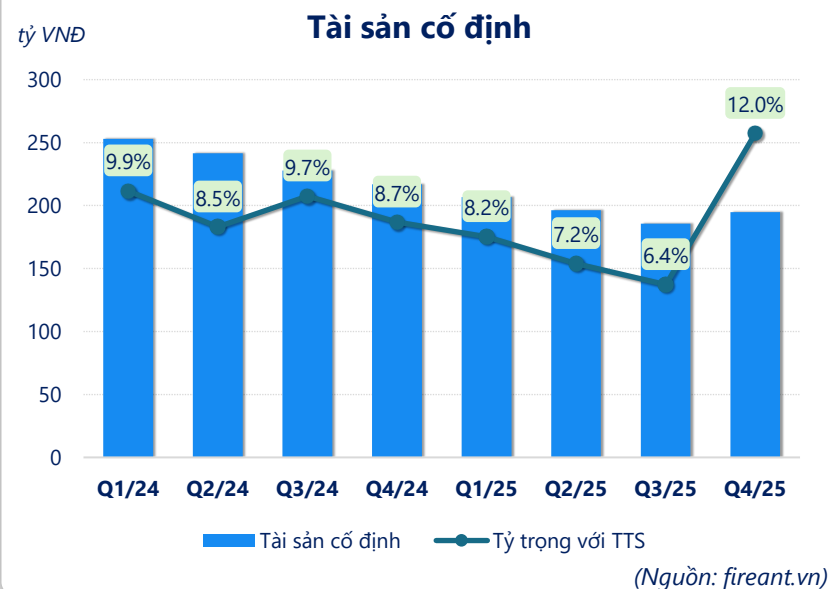
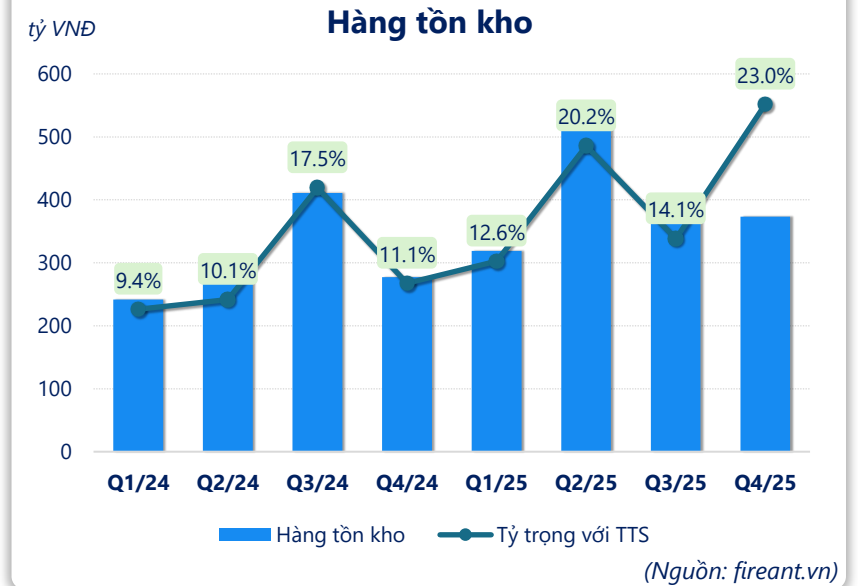
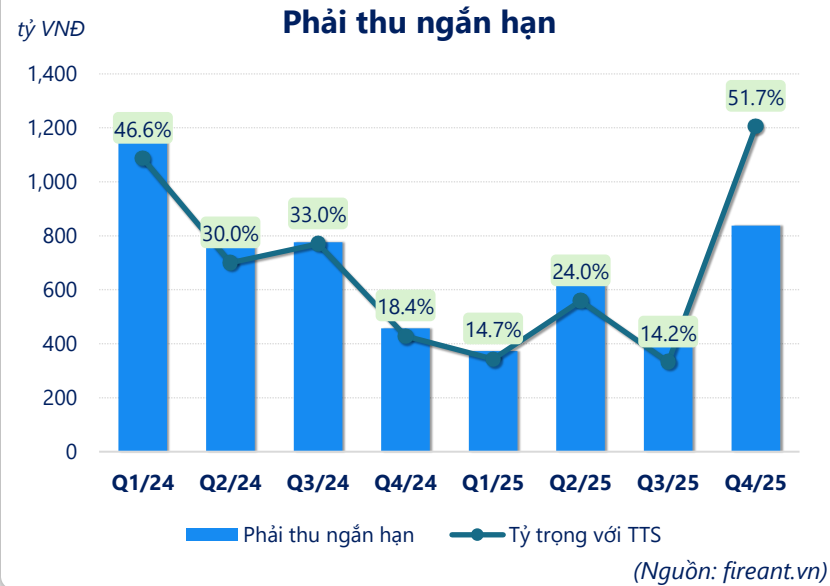
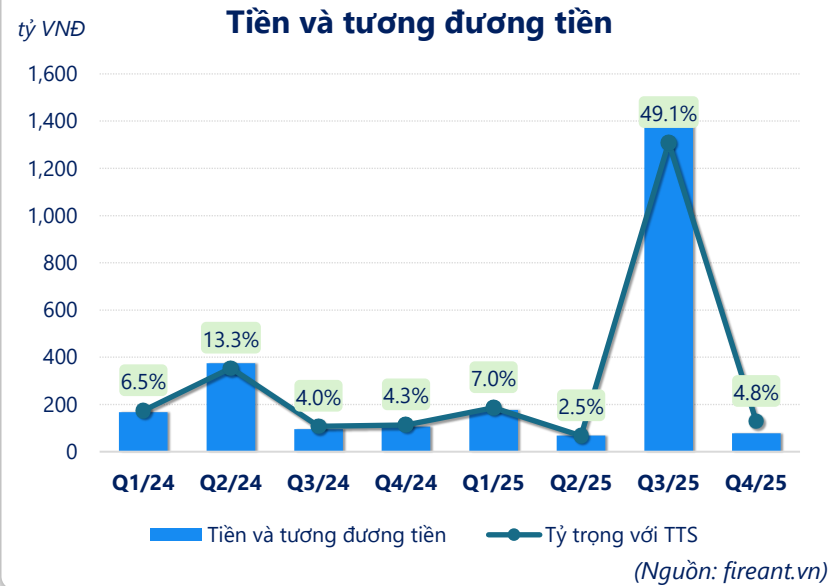
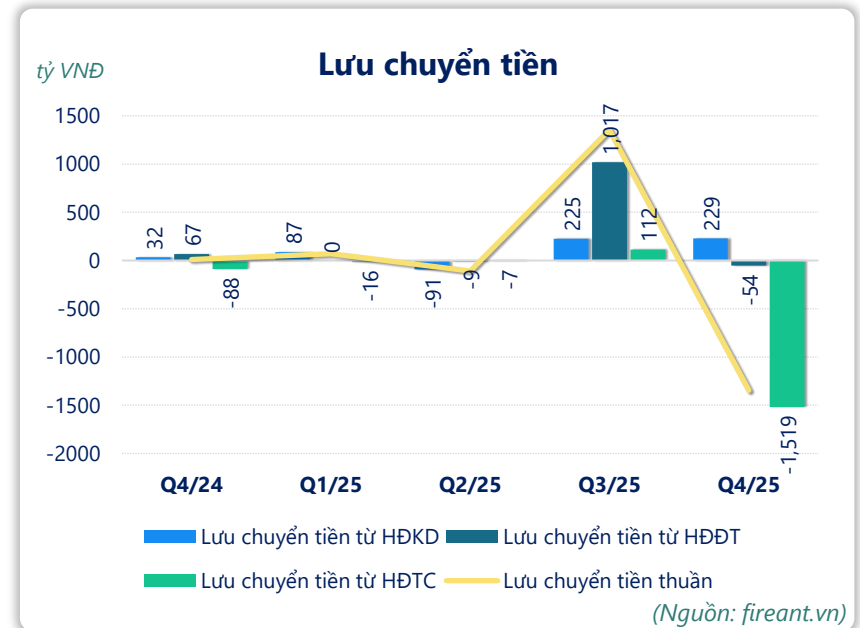
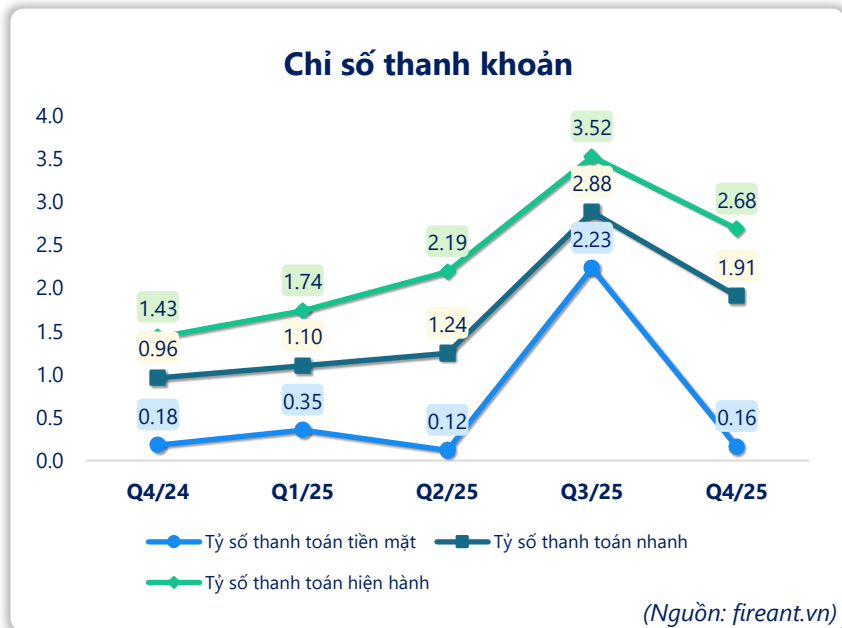
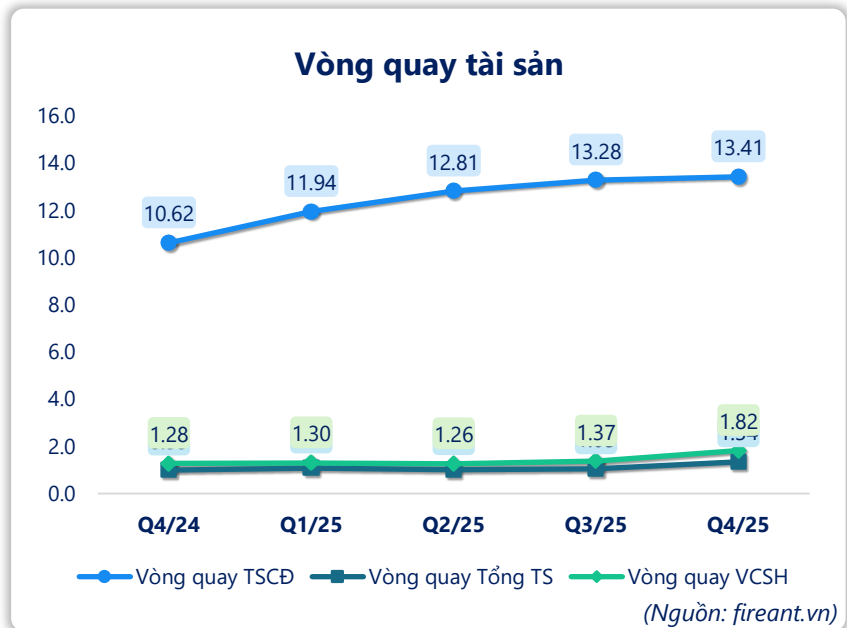
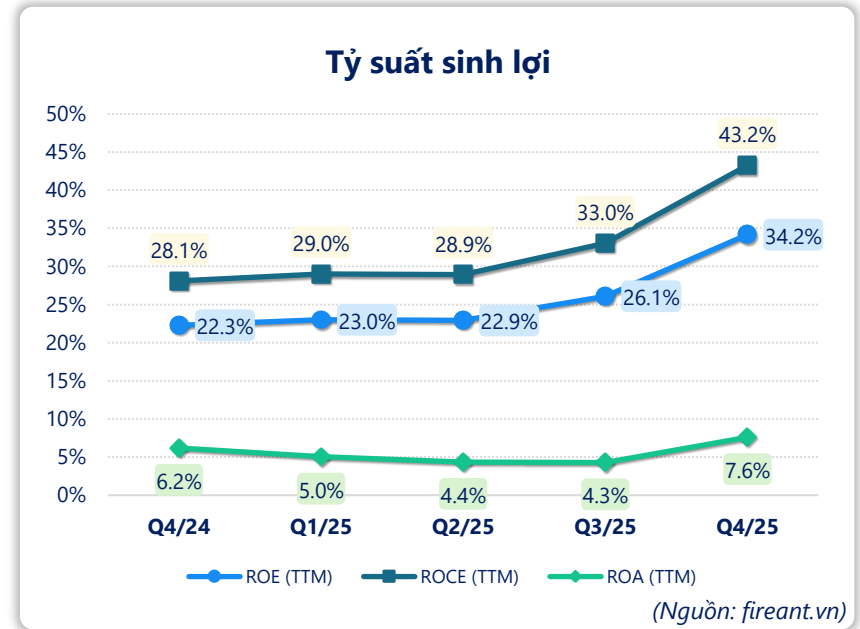
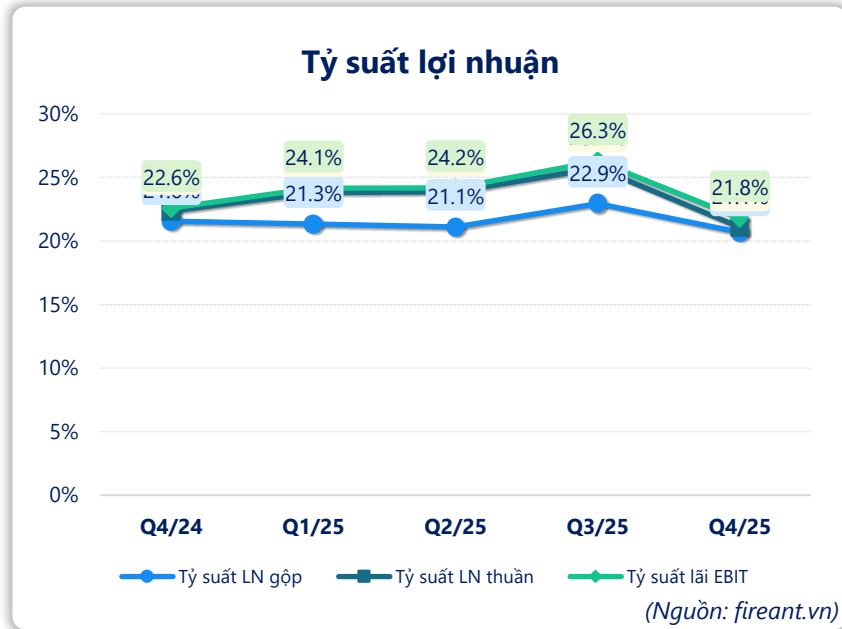
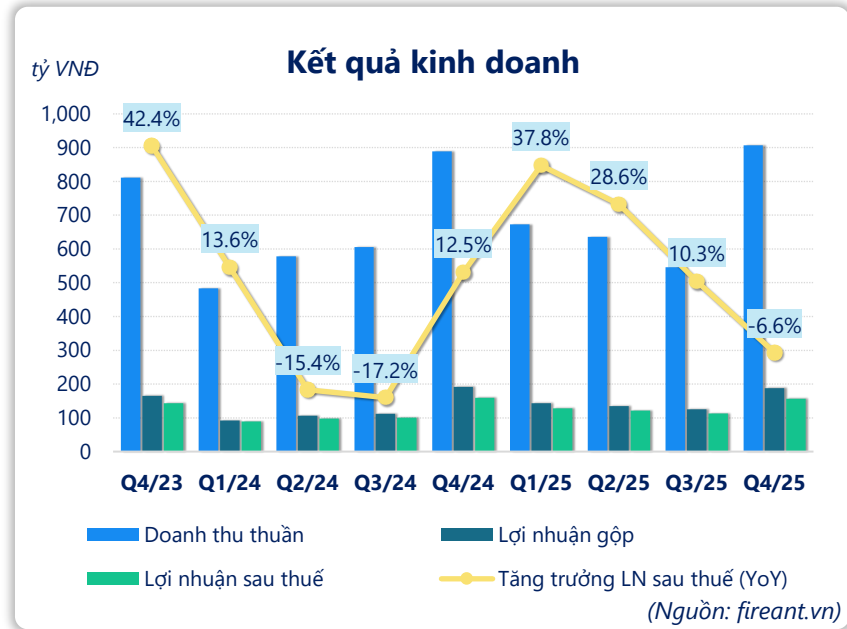


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		287,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		334,971
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		180,066
SL cổ phiếu LH		26,579,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)		645
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,636
P/E		14.7
EPS		19,482

	YTD	1T	3T	6T
VCF	55.8%	-1.2%	2.6%	10.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,622	2,488	-34.8%
Tài sản ngắn hạn	1,292	843	53.3%
Tiền và tương đương tiền	77.8	106	-26.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	0.40	400%
Phải thu ngắn hạn	838	457	83.2%
Hàng tồn kho	373	277	34.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.80	1.33	-40.1%
Tài sản dài hạn	330	1,646	-79.9%
Phải thu dài hạn	0.08	1,403	-100.0%
Tài sản cố định	195	217	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	99.8	3.32	2903%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.8	22.4	59.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	485	594	-18.2%
Nợ ngắn hạn	481	589	-18.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.2	207	-75.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	262	239	9.5%
Nợ dài hạn	4.11	4.33	-5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,137	1,895	-40.0%
Vốn chủ sở hữu	1,137	1,895	-40.0%
Vốn điều lệ	266	266	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	889	673	636	546	907
Giá vốn hàng bán	697	529	502	421	719
Lợi nhuận gộp	192	144	134	125	188
Doanh thu HĐTC	22.4	24.8	25.8	25.9	14.9
Chi phí TC	2.36	2.46	2.58	3.70	3.40
Chi phí lãi vay	2.01	2.38	2.32	2.91	2.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.35	0.75	0.61	1.21	1.80
Chi phí QLDN	5.53	5.10	5.17	5.66	6.07
LN thuần từ HĐKD	199	160	152	141	191
Lợi nhuận khác	0.05	0.00	-0.34	-0.01	4.11
LN trước thuế	199	160	151	141	195
Lợi nhuận sau thuế	159	128	121	112	156
LNST của CĐ cty mẹ	159	128	121	112	156

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.4	86.7	-91.3	225	229
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	66.9	0.08	-9.32	1,017	-54.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-88.3	-16.2	-6.98	112	-1,519
Tiền đầu kỳ	94.9	106	177	69.0	1,423
Lưu chuyển tiền thuần	11.0	70.6	-108	1,354	-1,345
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.01	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	106	177	69.0	1,423	77.8

(Nguồn: fireant.vn)